

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG HÒA
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/DS-ST
ngày 29/12/2023
V/v yêu cầu bồi thường thiệt hại
về tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nông Thanh Điệp

Các Hội thẩm nhân dân: ông Giáp Văn Cương và ông Lương Văn Phúc.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: bà Mã Thị Diệu - Thư ký TAND huyện Quảng Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Hòa tham gia phiên tòa: bà Lục Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29/12/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2023/DSST ngày 23/10/2023 về việc: “Yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2023/QĐXXST-TCDS ngày 13/12/2023, giữa:

- Nguyên đơn: **Vương Văn L** - Sinh năm 1962

Địa chỉ: **Xóm B, xã Đ, huyện Q, tỉnh Cao Bằng**. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông **Triệu Bằng G** - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý của Nhà nước tỉnh Cao Bằng. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: **Hoàng Văn T** - Sinh năm 1973

Địa chỉ: **Xóm B, xã C, huyện Q, tỉnh Cao Bằng**. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông **Nông Văn D** - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý của Nhà nước tỉnh Cao Bằng. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Ngày 26 tháng 5 năm 2023 ông **Hoàng Văn T** đã phun thuốc trừ cỏ vào đám ngô của tôi, tôi đã báo sự việc, **Công an huyện Q** đã giải quyết và ra thông báo kết luận không khởi tố vụ án hình sự do số tiền sau khi định giá thiệt hại là 1.309.600,đ (Một triệu ba trăm linh chín nghìn sáu trăm đồng) và hướng dẫn tôi khởi kiện vụ án dân sự ra Tòa. Nay tôi yêu cầu ông **Hoàng Văn T** phải bồi thường cho tôi các khoản sau:

- Tiền thuê máy cày để xới đất: 02 ngày x 02 giờ/ngày x 250.000,đ = 500.000,đ
 - Tiền công trồng 01 ngày: 03 người x 300.000,đ = 900.000,đ
 - Ngô giống (giống ngô 511): 02 túi x 140.000,đ/túi = 280.000,đ
 - Phân NPK bón lót 03 bao x 160.000,đ = 480.000,đ
 - Phân đạm Urê bón thúc (lúc vun ngô): 02 bao x 500.000,đ = 1.000.000,đ
 - Bồi thường thiệt hại hoa màu sau định giá: 1.309.600,đ
- Tổng cộng: 4.469.600,đ (Bốn triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm đồng)

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn trình bày: Tôi công nhận là đã phun thuốc trừ cỏ vào đám ngô của ông L trồng, vụ việc đã được Công an huyện Q giải quyết, tôi đã bị xử phạt, tôi chỉ đồng ý bồi thường cho ông L số tiền 1.309.600,đ như mức thiệt hại mà Hội đồng định giá kết luận và Công an huyện Q đã xác định trong bản kết thúc điều tra, vì ông L tự ý trồng ngô trên đất rẫy của tôi, trước đó tôi đã ngăn cản nhưng ông L vẫn cố tình trồng ngô xuống.

Tòa án tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn Hoàng Văn T cố tình không tham gia tố tụng, đồng thời nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa không tiến hành hòa giải, do đó Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

[3] Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Hoàng Văn T phải trả số tiền 4.469.600,đ (Bốn triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm đồng).

- Bị đơn chỉ nhất trí bồi thường 1.309.600,đ theo đúng giá trị thiệt hại do Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Q xác định.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có ý kiến: Nhất trí với ý kiến khởi kiện của nguyên đơn, vì Hội đồng định giá chỉ xác định thiệt hại đối với cây ngô bị chết, chưa xác định các thiệt hại do chi phí đầu tư làm ra sản phẩm bị xâm hại (gồm công cày, trồng cây, giống, phân). Do đó đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Hoàng Văn T phải trả số tiền 4.469.600,đ (Bốn triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm đồng) cho ông Vương Văn L.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn có ý kiến: Tôi đồng ý với ý kiến của bị đơn chỉ nhất trí bồi thường 1.309.600,đ theo đúng thiệt hại do Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Q xác định, vì phải có chi phí đầu tư thì mới tạo ra sản phẩm bị xâm hại; ông L không khiếu nại Kết luận định giá tài sản; Các yêu cầu bồi thường thêm không có căn cứ chứng minh. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là 1.309.600,đ, đề nghị miễn án phí cho bị đơn theo quy định.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký được phân công tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật

tổ tụng dân sự năm 2015. Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ theo quy định, nhưng không tiến hành hòa giải vì bị đơn không chịu hợp tác và nguyên đơn có đơn đề nghị không hòa giải. Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã thừa nhận có hành vi gây thiệt hại cho nguyên đơn, nhưng cố tình không tham gia phiên hòa giải.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ của vụ án và qua phân hỏi và tranh tụng công khai tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: nguyên đơn, bị đơn được miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Đây là vụ án “Yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản” theo quy định tại khoản 6 Điều 26 và Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 26 tháng 5 năm 2023 ông **Hoàng Văn T** đã phun thuốc trừ cỏ vào đám ngô của ông **Vương Văn L**, sự việc đã được **Công an huyện Q** giải quyết và kết luận không khởi tố vụ án hình sự do số tiền sau khi định giá thiệt hại là 1.309.600,đ (Một triệu ba trăm linh chín nghìn sáu trăm đồng), chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm, vì vậy có căn cứ khẳng định ông **Hoàng Văn T** đã gây thiệt hại về tài sản cho ông **Vương Văn L** là 1.309.600,đ (Một triệu ba trăm linh chín nghìn sáu trăm đồng). Còn đối với yêu cầu bồi thường thêm gồm các khoản: tiền thuê máy cày, tiền công trồng ngô, tiền giống ngô, tiền phân bón NPK, Urê tổng cộng 3.160.000,đ là không có căn cứ để chấp nhận, vì toàn bộ vụ việc đã được **Công an huyện Q** thụ lý giải quyết theo trình tự tố tụng hình sự, việc xác định thiệt hại do hành vi phun thuốc trừ cỏ của ông **Hoàng Văn T** gây ra cho ông **Vương Văn L** đã được Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **huyện Q** thiệt hại là 1.309.600,đ (Một triệu ba trăm linh chín nghìn sáu trăm đồng) và không bị các bên đương sự khiếu nại.

Vì vậy Hội đồng xét xử sẽ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần thiệt hại được xác định sau khi định giá là 1.309.600,đ (Một triệu ba trăm linh chín nghìn sáu trăm đồng) và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu bồi thường thêm gồm các khoản: tiền thuê máy cày, tiền công trồng ngô, tiền giống ngô, tiền phân bón NPK, Urê tổng cộng 3.160.000,đ (Ba triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

[3] Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí nên không phải chịu án dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 6 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 12 và khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Vương Văn L** đối với bị đơn **Hoàng Văn T**. Buộc ông **Hoàng Văn T** phải có trách nhiệm trả cho ông **Vương Văn L** số tiền 1.309.600,đ (Một triệu ba trăm linh chín nghìn sáu trăm đồng).

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ, nếu bị đơn chậm thanh toán sẽ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và theo quy định của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[2] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Vương Văn L** về việc buộc bị đơn **Hoàng Văn T** phải trả 3.160.000,đ (Ba triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng) gồm các khoản: tiền thuê máy cày, tiền công trồng ngô, tiền giống ngô, tiền phân bón NPK, **U**.

[3] Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

"Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

[4] Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn và bị đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi Cục THADS huyện;
- Lưu HSVA.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nông Thanh Điệp